

Số: **4430** /QĐ-HĐTD

Thanh Hóa, ngày **29** tháng 10 năm 2019

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt danh mục tài liệu ôn tập môn Nghiệp vụ chuyên ngành  
kỳ thi tuyển công chức hành chính năm 2019**

### **HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC NĂM 2019**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15/3/2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quy chế tổ chức thi tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức ban hành kèm theo Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ;

Căn cứ Kế hoạch số 164/UBND-THKH ngày 22/7/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về thi tuyển công chức hành chính tỉnh Thanh Hóa năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 3304/QĐ-UBND ngày 15/8/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thành lập Hội đồng tuyển dụng công chức hành chính tỉnh Thanh Hóa năm 2019;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 529/TTr-SNV ngày 22/10/2019,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt danh mục tài liệu ôn tập môn Nghiệp vụ chuyên ngành kỳ thi tuyển công chức hành chính tỉnh Thanh Hóa năm 2019, gồm 23 chuyên ngành (có phụ lục kèm theo).

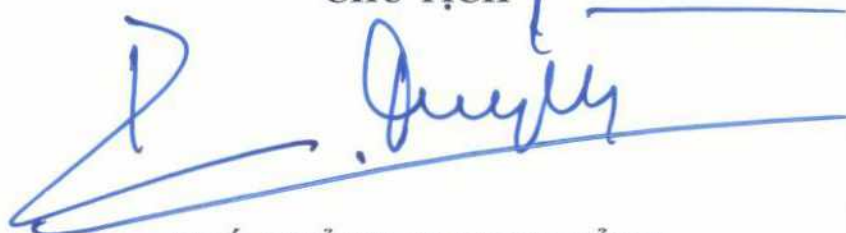
**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, Trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Thành viên Hội đồng tuyển dụng công chức hành chính tỉnh, Ban Đề thi; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 2 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- PCT UBND tỉnh Phạm Đăng Quyền;
- Ban Giám sát;
- Lưu: VT, THKH, HĐTT.

**TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG  
CHỦ TỊCH**



**PHÓ CHỦ TỊCH UBND TỈNH  
Phạm Đăng Quyền**

**DANH MỤC TÀI LIỆU ÔN TẬP MÔN NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH KỲ THI TUYỂN CÔNG CHỨC  
HÀNH CHÍNH TỈNH THANH HÓA NĂM 2019**

(Kèm theo Quyết định số: 4430 /QĐ-HĐTD ngày 29 tháng 10 năm 2019  
của Hội đồng tuyển dụng công chức hành chính tỉnh Thanh Hóa năm 2019)

| STT      | NỘI DUNG ÔN TẬP                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>I</b> | <b>CÔNG THƯƠNG</b><br><b>(MÃ SỐ MÔN THI: CT. MÃ VỊ TRÍ VIỆC LÀM: 9.2.6; 23.2.29)</b>                                                                                                                                                                                                                                         |
| 1        | Điều 3, Điều 4, Điều 5 và Khoản 5 Điều 8 Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương                                                                                                                      |
| 2        | Điều 1, Điều 3, Điều 4, Điều 5, Điều 6 và các Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4 Điều 2 Thông tư liên tịch số 22/2015/TTLT-BCT-BNV ngày 30/6/2015 của Bộ Công Thương và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về công thương thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện |
| 3        | Điều 6, Điều 11, Điều 41, Điều 49 Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực                                                                                                                  |
| 4        | Điều 1, Điều 2, Điều 3, Điều 4 Nghị định số 134/2013/NĐ-CP ngày 17/10/2013 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực điện lực, an toàn đập thủy điện, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả                                                                                                              |
| 5        | Điều 3, Điều 4, Điều 10, Điều 12, Điều 18, Điều 19 Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện                                                                                                                                                         |



|           |                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|-----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 6         | Điều 2, Điều 3, Điều 5, Điều 6, Điều 10 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ về phát triển và quản lý cụm công nghiệp                                                                                                                                                 |
| 7         | Điều 1, Điều 2, Điều 3, Điều 19, Điều 20, Điều 21, Điều 24, Điều 25 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu                                                                                                                                       |
| 8         | Điều 1, Điều 2, Điều 3, Điều 4, Điều 5 Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại                                                                                                                        |
| 9         | Điều 1, Điều 2, Điều 3, Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 12, Điều 13, Điều 14 Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu                                                                                                                            |
| 10        | Điều 1, Điều 2, Điều 4, Điều 26, Điều 27, Điều 28 Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá                                                              |
| 11        | Khoản 5, Khoản 8, Khoản 9, Khoản 10, Khoản 11, Khoản 12, Khoản 13, Khoản 14 Điều 1 Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ                                                     |
| <b>II</b> | <b>NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN</b>                                                                                                                                                                                                                                               |
| <b>1</b>  | <b>KIẾN THỨC CHUNG VỀ LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN</b>                                                                                                                                                                                                                   |
| -         | Thông tư liên tịch số 14/2015/TTLT-BNNPTNT-BNV ngày 25/3/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và phát triển nông thôn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện |
| -         | Thông tư số 15/2015/TT-BNNPTNT ngày 26/3/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn nhiệm vụ các Chi cục và các tổ chức sự nghiệp trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (thí sinh chỉ ôn tập nhiệm vụ của đơn vị đăng ký dự tuyển)                            |

|   |                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|---|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 2 | <b>CƠ QUAN SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN<br/>(MÃ SỐ MÔN THI: NN. MÃ VỊ TRÍ VIỆC LÀM: 12.2.4; 12.3.2)</b>                                                                                                                                                         |
| - | Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017 của Quốc hội                                                                                                                                                                                                               |
| - | Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch                                                                                                                                                         |
| - | Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp                                                                                                           |
| - | Quyết định số 287-QĐ/TU ngày 27/5/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa ban hành Chương trình phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới, giai đoạn 2016 - 2020                                                                                             |
| 3 | <b>PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN<br/>(MÃ SỐ MÔN THI: NN1. MÃ VỊ TRÍ VIỆC LÀM: 12.2.21; 12.2.26; 12.2.25; 23.2.21; 23.2.18; 23.2.19; 23.2.22)</b>                                                                                                                                   |
| - | Luật Hợp tác xã số 23/2012/QH13 ngày 20/11/2012 của Quốc hội                                                                                                                                                                                                              |
| - | Nghị định số 193/2012/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã                                                                                                                                                               |
| - | Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020                                                                                                                    |
| - | Quyết định số 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 |
| - | Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và PTNT                    |



|   |                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|---|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 4 | <p style="text-align: center;"><b>LÂM NGHIỆP; KIỂM LÂM</b><br/> <b>(MÃ SỐ MÔN THI: NN2. MÃ VỊ TRÍ VIỆC LÀM: 12.3.2; 12.2.13; 12.2.16; 12.2.29)</b></p>                                                                                                                |
| - | Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 ngày 15/11/2017 của Quốc hội                                                                                                                                                                                                          |
| - | Chương I, Chương II, Chương III, Chương IV Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp                                                                                                       |
| - | Nghị định số 35/2019/NĐ-CP ngày 25/4/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp                                                                                                                                                 |
| - | Quyết định số 287-QĐ/TU ngày 27/5/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa ban hành Chương trình phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới, giai đoạn 2016 - 2020                                                                                         |
| - | Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 08/8/2017 của Chính phủ ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng |
| 5 | <p style="text-align: center;"><b>KHAI THÁC VÀ BẢO VỆ NGUỒN LỢI THỦY SẢN</b><br/> <b>(MÃ SỐ MÔN THI: NN3. MÃ VỊ TRÍ VIỆC LÀM: 12.2.18; 12.2.19)</b></p>                                                                                                               |
| - | Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017 của Quốc hội                                                                                                                                                                                                            |
| - | Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản                                                                                                                                             |
| - | Nghị định số 42/2019/NĐ-CP ngày 16/5/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản                                                                                                                                                |
| - | Chỉ thị số 3727/CT-BNN-TCTS ngày 05/5/2017 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc tăng cường quản lý khai thác thủy sản cho người, tàu cá hoạt động trên biển                                                                                                             |

|   |                                                                                                                                                                             |
|---|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 6 | <b>ĐỀ ĐIỀU VÀ PHÒNG CHỐNG LỤT BÃO<br/>(MÃ SỐ MÔN THI: NN4. MÃ VỊ TRÍ VIỆC LÀM: 12.2.22)</b>                                                                                 |
| - | Luật Đề điều số 79/2006/QH11 ngày 29/11/2006 của Quốc hội                                                                                                                   |
| - | Luật Phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13 ngày 19/6/2013 của Quốc hội                                                                                                     |
| - | Nghị định số 113/2007/NĐ-CP ngày 28/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đề điều                                               |
| - | Nghị định số 160/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng, chống thiên tai                                            |
| - | Nghị định số 104/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực phòng chống thiên tai; khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; đề điều |
| 7 | <b>KẾ TOÁN KIỂM LÂM<br/>(MÃ SỐ MÔN THI: NN5. MÃ VỊ TRÍ VIỆC LÀM: 12.3.6)</b>                                                                                                |
| - | Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 của Quốc hội                                                                                                                   |
| - | Nghị định số 174/2016/NĐ-CP ngày 30/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kế toán                                                                    |
| - | Nghị định số 41/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán độc lập                                       |
| - | Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp (Phụ lục số 02. Hệ thống tài khoản kế toán)                     |



|     |                                                                                                                                                                                                                                                  |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| III | <p style="text-align: center;"><b>KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ</b><br/> <b>(MÃ SỐ MÔN THI: KHĐT. MÃ VỊ TRÍ VIỆC LÀM: 5.2.2; 23.2.13; 24.2.13)</b></p>                                                                                                      |
| 1   | Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương                                                                                                 |
| 2   | Thông tư liên tịch số 05/2009/TTLT-BKHĐT-BNV ngày 05/8/2009 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về lĩnh vực kế hoạch và đầu tư thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện |
| 3   | Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 01/01/2010 của UBND tỉnh Thanh Hóa về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về lĩnh vực kế hoạch và đầu tư thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện                                       |
| 4   | Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14                                                                                                                                                                                                                   |
| 5   | Chương I; Chương II (từ Điều 11 đến Điều 19), Điều 28, Điều 32; Chương 4 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP của Chính phủ hướng dẫn Luật Quy hoạch                                                                                                       |
| 6   | Thông tư số 08/2019/TT-BKHĐT ngày 17/5/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn về định mức cho hoạt động quy hoạch                                                                                                                           |
| 7   | Quyết định số 10/2007/QĐ-TTg ngày 23/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam                                                                                                                        |
| 8   | Nghị quyết số 145/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa khóa XVI, kỳ họp thứ 15 về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh 5 năm 2016 - 2020 tỉnh Thanh Hóa                                       |
| 9   | Nghị quyết số 116/2018/NQ-HĐND ngày 13/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa khóa XVII, kỳ họp thứ 7 về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019                                                                                     |
| 10  | Chương III và Chương IV Luật Đầu tư số 67/2014/QH13                                                                                                                                                                                              |
| 11  | Chương I và Chương III Luật Xây dựng số 50/2014/QH13                                                                                                                                                                                             |

|    |                                                                                                                                                                                             |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 12 | Chương I, Chương II và Chương III Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13                                                                                                                             |
| 13 | Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13                                                                                                                                                            |
| 14 | Chương III, Chương IV (mục 1, 2, 3, 4) Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư                        |
| 15 | Chương II, Chương III Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16/3/2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài |
| 16 | Khoản 17 đến khoản 27 Điều 1, Điều 2 Nghị định số 132/2018/NĐ-CP ngày 01/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 16/2016/NĐ-CP của Chính phủ                    |
| 17 | Nghị định số 97/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ về cho vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ                                                                     |
| 18 | Chương II và Chương X Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu                                 |
| 19 | Nghị định số 63/2018/NĐ-CP ngày 04/05/2018 về đầu tư theo hình thức đối tác công tư                                                                                                         |
| 20 | Chương II Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30/9/2015 về giám sát và đánh giá đầu tư                                                                                                          |
| 21 | Nghị định 30/2015/NĐ-CP ngày 17/3/2015 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư                                                                      |
| 22 | Chương I, Chương II Nghị định 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng                                                                                                 |
| 23 | Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm                                                                                                     |
| 24 | Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư công                                                                                             |



|           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 25        | Nghị định số 120/2018/NĐ-CP ngày 13/9/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm; Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc CTMTQG giai đoạn 2016 - 2020 |
| 26        | Quyết định số 22/2018/QĐ-UBND ngày 10/7/2018 của UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành Quy định việc thực hiện trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư; chấp thuận địa điểm đầu tư; cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa                                                                                                                                                                                            |
| 27        | Luật Doanh nghiệp năm 2014, gồm: 10 Chương, 213 Điều. Chương II: Thành lập doanh nghiệp (từ Điều 18 đến Điều 46); Chương III: Công ty TNHH (từ Điều 47 đến Điều 87); Chương IV: Doanh nghiệp nhà nước (từ Điều 88 đến Điều 109); Chương V: Công ty cổ phần (từ Điều 110 đến Điều 171) và Chương VII: Doanh nghiệp tư nhân (từ Điều 183 đến Điều 187)                                                                                                                             |
| 28        | Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về Đăng ký Doanh nghiệp (Chương II: Từ Điều 13 đến Điều 16 và từ Điều 66 đến Điều 70)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| <b>IV</b> | <b>TÀI CHÍNH</b><br><b>(MÃ SỐ MÔN THI: TC. MÃ VỊ TRÍ VIỆC LÀM: 23.2.12; 24.2.12)</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| 1         | Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| 2         | Chương I đến chương VII Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Ngân sách Nhà nước                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| 3         | Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Ngân sách Nhà nước                                                                                                                                                                                                                                                |

|    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 4  | Chương II Thông tư số 220/2015/TTLT-BTC-BNV ngày 31/12/2015 của Bộ Tài chính và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài chính thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc UBND Quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh |
| 5  | Quyết định số 4761/2016/QĐ-UBND ngày 09/12/2016 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách địa phương giai đoạn 2017 - 2020 của tỉnh Thanh Hóa                                                           |
| 6  | Nghị quyết 111/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thanh Hóa                                                                      |
| 7  | Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước; Thông tư số 64/2018/TT-BTC ngày 30/7/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính                     |
| 8  | Thông tư số 85/2017/TT-BTC ngày 15/8/2017 của Bộ Tài chính quy định việc quyết toán tình hình sử dụng vốn đầu tư nguồn NSNN theo niên độ ngân sách hằng năm                                                                                                                                               |
| 9  | Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán hành chính sự nghiệp                                                                                                                                                                                                |
| 10 | Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30/5/2014 của Bộ Tài chính - Nội vụ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước                                                                                                       |
| 11 | Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập                                                                                                                                                                                             |
| V  | <b>TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG</b><br><b>(MÃ SỐ MÔN THI: TN. MÃ VỊ TRÍ VIỆC LÀM: 10.2.6; 23.2.17; 23.2.15; 24.2.19)</b>                                                                                                                                                                                      |
| 1  | Thông tư liên tịch số 50/2014/TTLT/BTNMT-BNV ngày 28/8/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường thuộc UBND cấp tỉnh và Phòng Tài nguyên và Môi trường thuộc UBND cấp huyện, gồm các Điều: 1, 2, 4, 5    |



|    |                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 2  | Luật Đất đai năm 2013 số 45/2013/QH13, gồm các Điều: 3, 5, 7, 8, 10, 12, 13, 15, 16, 17, 22, 54, 55, 56, 57, 59, 61, 62, 66, 74, 75, 82, 100, 118, 119, 125, 126, 129, 143, 144, 166, 170, 179, 191, 201, 203                                                   |
| 3  | Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai, gồm các Điều: 18, 19, 68, 69, 89, 97                                                                                                           |
| 4  | Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất, gồm các Điều: 8, 9, 12, 14                                                                                                                                                         |
| 5  | Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất, gồm các Điều: 19, 28                                                                                                              |
| 6  | Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 03/3/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai, gồm các khoản: 10, 16, 17, 45 của Điều 2                                                                                     |
| 7  | Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14/11/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước                                                                                     |
| 8  | Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất, gồm các Điều: 3, 4, 5, 6, 7, 9, 10, 11, 15, 19       |
| 9  | Luật Khoáng sản năm 2010 số 60/2010/QH12, gồm các Điều: 3, 8, 22, 23, 24, 35, 40, 42, 47, 53, 55, 64, 67, 68, 70, 72, 81, 82                                                                                                                                    |
| 10 | Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23/6/2014, gồm các Điều: 4, 6, 7, 10, 15, 16, 22, 23, 24, 30, 32, 33, 53, 54, 68, 69, 70, 72, 80, 81, 82, 107, 112                                                                                                  |
| 11 | Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, gồm các Điều: 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 17, 18, 19, 50, 52, 53, 54                                                                      |
| 12 | Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường, gồm các khoản: 3, 4, 5, 6, 7, 9, 10, 11, 12 của Điều 1; các khoản: 2, 3, 4, 5, 7 của Điều 2 |

|           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 13        | Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21/6/2012, gồm các Điều: 4, 7, 9, 12, 25, 26, 38, 39, 43, 45, 71, 76                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 14        | Luật số 35/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật liên quan đến quy hoạch, gồm: Khoản 13, 21 của Điều 5; khoản 1 của Điều 6                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| <b>VI</b> | <b>LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI</b><br><b>(MÃ SỐ MÔN THI: LĐ. MÃ VỊ TRÍ VIỆC LÀM: 17.2.14; 17.2.2; 17.2.3; 17.3.2; 23.2.35; 23.2.33; 23.2.34)</b>                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| 1         | Điều 34, Điều 35, Khoản 1, 3 Điều 37, Điều 57, Khoản 2 Điều 58, Khoản 2 Điều 59 và Khoản 3 Điều 61 Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày 28/11/2013                                                                                                                                                                                                                                                              |
| 2         | Điều 1, Điều 2, Điều 3 Chương I và Điều 4, 5, 6 Chương II của Thông tư liên tịch số 37/2015/TTLT-LĐTBXH-BNV ngày 02/10/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh |
| 3         | Điều 1 đến Điều 8 Chương I Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng số 26/2005/PL-UBTVQH11 ngày 29/6/2005 (sửa đổi, bổ sung năm 2012)                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 4         | Điều 5, Điều 6, Điều 9, Điều 11, Điều 12, Điều 15, Điều 17 Chương II Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09/4/2013 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng                                                                                                                                                                                                                   |
| 5         | Điều 15 đến Điều 23 và từ Điều 90 đến Điều 103 Bộ luật Lao động số 10/2012/QH13 ngày 18/6/2012                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 6         | Điều 5 và Điều 6 Luật Việc làm số 38/2013/QH13 ngày 16/11/2013                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 7         | Điều 5 Luật người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng số 72/2006/QH 11 ngày 29/11/2006                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| 8         | Điều 16 và Điều 17 Luật An toàn vệ sinh lao động số 84/2015/QH13 ngày 25/6/2015                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |



|            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 9          | Từ Điều 4 đến Điều 8 Luật Bảo hiểm xã hội số 58/2014/QH13 ngày 20/11/2014                                                                                                                                                                                                                       |
| 10         | Điều 4 đến Điều 7 Luật Giáo dục nghề nghiệp số 74/20014/QH13 ngày 27/11/2014                                                                                                                                                                                                                    |
| 11         | Điều 8 Luật Trẻ em số 102/2016/QH13 ngày 05/4/2016                                                                                                                                                                                                                                              |
| 12         | Điều 8 Luật bình đẳng giới số 73/2006/QH11 ngày 29/11/2006                                                                                                                                                                                                                                      |
| 13         | Điều 36 Luật Phòng, chống ma túy số 23/2000/QH10 ngày 09/12/2000. Điều 1 Nghị định số 136/2016/NĐ-CP ngày 09/9/2016 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 221/2013/NĐ-CP ngày 30/12/2013 quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc |
| 14         | Điều 30 Pháp lệnh Phòng, chống mại dâm số 10/2003/PL-UBTVQH11 ngày 17/3/2003 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội                                                                                                                                                                                      |
| 15         | Điều 10 Nghị định số 178/2004/NĐ-CP ngày 15/10/2004 của Chính phủ quy định tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh phòng, chống mại dâm                                                                                                                                                         |
| 16         | Điều 3 đến Điều 8; Điều 10 đến Điều 14 Chương I và từ Điều 15 đến Điều 20 Chương II Luật Người khuyết tật số 51/2010/QH12 ngày 17/6/2010                                                                                                                                                        |
| 17         | Điều 3 đến Điều 5; Điều 9, Điều 10, Điều 23 và Điều 24 Luật Người cao tuổi số 39/2009/QH12 ngày 23/11/2009                                                                                                                                                                                      |
| <b>VII</b> | <b>DÂN TỘC</b><br><b>(MÃ SỐ MÔN THI: DT. MÃ VỊ TRÍ VIỆC LÀM: 21.2.1)</b>                                                                                                                                                                                                                        |
| 1          | Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ về Công tác dân tộc                                                                                                                                                                                                                    |
| 2          | Quyết định số 449/QĐ-TTg ngày 12/3/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020                                                                                                                                                                              |

|    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 3  | Quyết định số 2356/QĐ-TTg ngày 04/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020                                                                                                                                               |
| 4  | Chỉ thị số 28/CT-TTg ngày 10/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ về Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về công tác dân tộc                                                                                                                                                                    |
| 5  | Quyết định số 2214/QĐ-TTg ngày 14/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Tăng cường hợp tác quốc tế hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số                                                                                                                     |
| 6  | Nghị quyết số 80/NQ-CP ngày 19/5/2011 của Chính phủ về Định hướng giảm nghèo bền vững thời kỳ từ năm 2011 đến năm 2020                                                                                                                                                                             |
| 7  | Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo                                                                                                                                                              |
| 8  | Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020                                                                                                                                                |
| 9  | Quyết định số 45/QĐ-TTg ngày 09/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc “cấp một số ấn phẩm báo, tạp chí cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn” giai đoạn 2019 - 2021                                                                                                      |
| 10 | Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí lựa chọn, công nhận người có uy tín và chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số                                                                                                          |
| 11 | Quyết định số 2561/QĐ-TTg ngày 31/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tăng cường vai trò của người có uy tín trong vùng dân tộc thiểu số”                                                                                                                                             |
| 12 | Thông tư liên tịch số 02/2014/TTLT-BNV-UBDT ngày 11/9/2014 của Bộ Nội vụ - Ủy ban Dân tộc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành chính sách cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số quy định tại Điều 11 Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ về Công tác dân tộc |



|             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 13          | Thông tư liên tịch số 07/2014/TTLT-UBND-BNV ngày 22/12/2014 của Ủy ban Dân tộc - Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về công tác dân tộc thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện                                                                                            |
| 14          | Thông tư số 06/2014/TT-UBND ngày 10/12/2014 của Ủy ban Dân tộc ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê công tác dân tộc                                                                                                                                                                                                        |
| 15          | Thông tư số 03/2015/TT-UBND ngày 15/12/2015 của Ủy ban Dân tộc quy định Chế độ báo cáo thống kê công tác dân tộc áp dụng đối với Cơ quan công tác dân tộc cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương                                                                                                                        |
| <b>VIII</b> | <b>TƯ PHÁP</b><br><b>(MÃ SỐ MÔN THI: TP. MÃ VỊ TRÍ VIỆC LÀM: 24.2.8; 23.2.9; 23.2.10; 23.2.11)</b>                                                                                                                                                                                                                         |
| 1           | Chương I, Chương II, Chương III Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV ngày 22/12/2014 của Bộ Tư pháp và Bộ nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Phòng Tư pháp thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh |
| 2           | Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015. Chương I: Những quy định chung (Điều 1 đến Điều 14); Chương X: Xây dựng ban hành văn bản QPPL của HĐND, UBND cấp huyện (Điều 133 đến Điều 141); Chương XI: Xây dựng ban hành văn bản QPPL của HĐND, UBND cấp xã (Điều 142 đến Điều 145)                                 |
| 3           | Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản QPPL. Chương VIII - Kiểm tra, xử lý văn bản QPPL (Điều 103 đến Điều 136)                                                                                                                 |
| 4           | Luật Hộ tịch, gồm các Điều: 2, 3, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 32, 33, 34, 35, 36, 37, 38, 43, 44, 45, 46, 47, 48, 49, 50, 51, 52, 70, 71, 72, 73, 74                                                                                                                        |
| 5           | Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch, gồm các Điều: 4, 5, 6, 7, 14, 15, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 21, 32, 33, 40, 41                                                                                                   |

|           |                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 6         | Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật hộ tịch, gồm các Điều: 2, 4, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13 |
| 7         | Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch, gồm các Điều: 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 43                   |
| 8         | Luật Phổ biến giáo dục pháp luật năm 2012, gồm các Điều: 3, 5, 6, 8, 9, 10, 11, 27, 28, 35, 36, 37, 38, 39                                                                                                                                                                                   |
| 9         | Nghị định số 28/2013/NĐ-CP của Chính phủ ngày 04/4/2013 quy định một số điều và biện pháp thi hành Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật, gồm các Điều: 4, 5, 6, 7                                                                                                                               |
| 10        | Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013, gồm các Điều: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 11, 12, 13, 14, 16                                                                                                                                                                                                     |
| 11        | Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012. Từ Điều 2 đến Điều 16; từ khoản 5 Điều 17 đến Điều 23; Điều 25 đến Điều 28; Điều 89, Điều 91, Điều 93, Điều 95                                                                                                                                       |
| <b>IX</b> | <b>Y TẾ (MÃ SỐ MÔN THI:YT)</b><br><b>MÃ VỊ TRÍ VIỆC LÀM: 16.2.4; 16.2.5; 16.2.13; 16.2.14; 16.2.2; 16.2.7; 16.3.2; 23.2.46; 23.2.47; 23.2.48; 24.2.47)</b>                                                                                                                                   |
| 1         | Luật Khám chữa bệnh ngày 23/11/2009, hiệu lực thi hành từ 01/01/2011                                                                                                                                                                                                                         |
| 2         | Luật Dược ngày 06/4/2016                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| 3         | Luật Đấu thầu số 26/11/2013 (Chương I, II, II, IV, V, XI, XII, XII, XIII)                                                                                                                                                                                                                    |
| 4         | Luật phòng chống Bệnh truyền nhiễm ngày 21/11/2007                                                                                                                                                                                                                                           |
| 5         | Luật An toàn vệ sinh thực phẩm ngày 17/6/2010                                                                                                                                                                                                                                                |



|    |                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 6  | Quyết định số 153/2006/QĐ-TTg ngày 30/6/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống y tế Việt Nam giai đoạn đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020                                                                                           |
| 7  | Quyết định số 122/QĐ-TTg ngày 10/01/2013 của Thủ tướng chính phủ về “Phê duyệt chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn 2011 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2030                                                                                      |
| 8  | Thông tư liên tịch số 51/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 11/12/2015 của Bộ Y tế - Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế thuộc UBND cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Phòng Y tế thuộc UBND cấp huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh |
| 9  | Quyết định số 1100/2017/QĐ-UBND ngày 12/4/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành Quy định về phân công, phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế và cán bộ, công chức, viên chức thuộc UBND tỉnh quản lý                                                                      |
| 10 | Quyết định số 3766/QĐ-UBND ngày 26/11/2008 của UBND tỉnh Thanh Hóa về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về y tế thuộc UBND tỉnh, UBND huyện                                                                                                     |
| 11 | Quyết định số 202/QĐ-UBND ngày 19/01/2009 của UBND tỉnh Thanh Hóa về quy hoạch phát triển hệ thống y tế tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020                                                                                                                                                   |
| 12 | Nghị định số 176/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực y tế                                                                                                                                                                             |
| 13 | Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu (Chương I, II, V, VII, XII)                                                                                                                     |
| 14 | Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dược                                                                                                                                                                 |
| 15 | Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế (Chương II, VI, X)                                                                                    |
| 16 | Thông tư số 06/2011/TT-BYT ngày 25/01/2011 của Bộ Y tế quy định về quản lý mỹ phẩm (Chương I, II, IV, IX, X)                                                                                                                                                                          |

|          |                                                                                                                                                                                                                                      |
|----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 17       | Thông tư số 20/2017/TT-BYT ngày 10/5/2017 của Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật dược và Nghị định số 54/2017/NĐ-CP về thuốc và nguyên liệu làm thuốc phải kiểm soát đặc biệt (Chương I, II, IV, V)                      |
| 18       | Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm (chương II, III, V, XII)                                                                               |
| 19       | Quyết định số 18/2019/QĐ-UBND ngày 25/6/2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa                                                          |
| 20       | Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp công lập (mục 1, mục 2, mục 3 Chương II)                                                                                     |
| 21       | Quyết định số 122/QĐ-TTg ngày 10/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn 2011 - 2020, tầm nhìn đến 2030 (Mục 2, 3)                                    |
| <b>X</b> | <b>GIAO THÔNG VẬN TẢI</b><br><b>(MÃ SỐ MÔN THI: GT. MÃ VỊ TRÍ VIỆC LÀM: 7.3.5; 7.2.3; 7.2.5; 24.2.24; 23.2.26)</b>                                                                                                                   |
| 1        | Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ                                                                                                           |
| 2        | Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03/9/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ                 |
| 3        | Nghị định số 33/2019/NĐ-CP ngày 23/4/2019 của Chính phủ quy định về việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ                                                                                   |
| 4        | Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ |
| 5        | Nghị định số 86/2014/NĐ-CP ngày 10/9/2014 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô                                                                                                          |



|           |                                                                                                                                                                                                                                 |
|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 6         | Thông tư số 63/2014/TT-BGTV ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ                                                  |
| 7         | Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa                                                                                                   |
| 8         | Thông tư số 49/2015/TT-BGTVT ngày 22/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn của lãnh đạo, đảng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ của đơn vị đăng kiểm phương tiện thủy nội địa |
| 9         | Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT ngày 17/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý cảng, bến thủy nội địa                                                                                                     |
| <b>XI</b> | <b>XÂY DỰNG</b><br><b>(MÃ SỐ MÔN THI: XD. MÃ VỊ TRÍ VIỆC LÀM: 8.3.5; 23.2.27)</b>                                                                                                                                               |
| 1         | Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014, gồm các Điều: 4, 7, 10, 12, 13, 14, 15, 20, 32, 33, 34, 40, 41, 42, 43, 44, 50, 51, 52, 54, 55, 57, 58, 68, 69; 71                                                                |
| 2         | Điều 24 đến Điều 32, Điều 47, Điều 49 Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009                                                                                                                                      |
| 3         | Điều 28 và Điều 29 Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 về sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch                                                                                                  |
| 4         | Điều 13 đến Điều 20 Luật Nhà ở số 65/2014/QH13 ngày 25/11/2014                                                                                                                                                                  |
| 5         | Điều 23 đến Điều 35 Luật Thanh tra số 56/2010/QH12 ngày 15/11/2010                                                                                                                                                              |
| 6         | Điều 16 đến Điều 24 Nghị định 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng                                                                                                                       |
| 7         | Điều 4 đến Điều 6 và Điều 23 đến Điều 33 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý                                                                                                                     |

|            |                                                                                                                                              |
|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|            | chất lượng và bảo trì công trình xây dựng                                                                                                    |
| 8          | Điều 4 đến Điều 14 và Điều 33 Nghị định số 24a/2016/NĐ-CP ngày 05/4/2016 của Chính phủ về quản lý vật liệu xây dựng                          |
| 9          | Điều 31 đến Điều 37 và Điều 40 Nghị định 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị |
| 10         | Điều 22 đến Điều 31 Nghị định 38/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về Quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị                  |
| 11         | Điều 2 đến Điều 9 Nghị định số 39/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về Quản lý không gian xây dựng ngầm đô thị                         |
| 12         | Điều 21 đến Điều 30 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng          |
| 13         | Điều 1 và Điều 2 Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/08/2019 của Chính phủ                                                                    |
| 14         | Điều 3 đến Điều 15 Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng                                |
| 15         | Điều 3 đến Điều 7 và Điều 35 đến Điều 39 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng      |
| 16         | Toàn bộ Chương I, Chương II Thông tư liên tịch 07/2015/TTLT-BXD-BNV ngày 16/11/2015 của Bộ Xây dựng và Bộ Nội vụ                             |
| <b>XII</b> | <b>THANH TRA</b><br><b>(MÃ SỐ MÔN THI: TTr. MÃ VỊ TRÍ VIỆC LÀM: 23.2.55)</b>                                                                 |
| 1          | Điều 2, 3, 4, 5, 6, 7, 13 Luật Thanh tra năm 2010; Nghị định số 86/2011 ngày 22/9/2011                                                       |



|             |                                                                                                                                                                                                                           |
|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 2           | Điều 20, 21, 23, 26, 27 Luật Thanh tra năm 2010                                                                                                                                                                           |
| 3           | Hoạt động thanh tra: Điều 37 đến điều 55, Luật Thanh tra năm 2010                                                                                                                                                         |
| 4           | Điều 57, 58 Quyền và nghĩa vụ của đối tượng thanh tra, Luật Thanh tra năm 2010                                                                                                                                            |
| 5           | Thực hiện kết luận thanh tra: Nghị định số 33/2015/NĐ-CP ngày 27/3/2015 Điều 3, Điều 8                                                                                                                                    |
| 6           | Luật tiếp công dân năm 2013: Từ Điều 2 đến Điều 4; từ Điều 6 đến Điều 9; Điều 12, 13, 16                                                                                                                                  |
| 7           | Luật khiếu nại năm 2011                                                                                                                                                                                                   |
| 8           | Luật tố cáo 2018: Điều 2, 4, 5, 6, 8, từ Điều 9 đến Điều 13, từ Điều 17 đến Điều 21, Điều 29, Điều 30, từ Điều 32 đến Điều 38, Điều 41; từ Điều 47 đến Điều 49                                                            |
| 9           | Luật phòng chống tham nhũng số 36/2018/QH14 ngày 20/11/2018                                                                                                                                                               |
| <b>XIII</b> | <b>NỘI VỤ</b><br><b>(MÃ SỐ MÔN THI: NV. MÃ VỊ TRÍ VIỆC LÀM: 23.2.7; 23.2.5; 24.2.7)</b>                                                                                                                                   |
| 1           | Điều 2, Điều 3, Điều 5 Nghị quyết 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020                                                               |
| 2           | Điểm 1 và 2 Mục I; Mục II Điều 1 Quyết định số 225/QĐ-TTg ngày 04/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch Cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016 - 2020                                                   |
| 3           | Khoản 1 và 2 Điều 3; Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 8, Điều 9, Điều 11, Điều 12 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính |
| 4           | Điểm 1 và 2 Mục I; Mục II Kế hoạch hành động ban hành kèm theo Quyết định số 1025/QĐ-UBND ngày 04/4/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa về đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh, hỗ      |

|    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    | trợ phát triển doanh nghiệp và nâng cao năng lực cạnh tranh tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2016 - 2020                                                                                                                                                                                                         |
| 5  | Điều 7, Điều 8, Điều 11 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 876/2017/QĐ-UBND ngày 27/3/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa về ban hành Quy định công khai kết quả giải quyết thủ tục hành chính, công khai xin lỗi trong giải quyết thủ tục hành chính của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa |
| 6  | Điểm 1 và 2 Mục I; Mục II Kế hoạch cải cách hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 4784/QĐ-UBND ngày 30/11/2018 của UBND tỉnh Thanh Hóa về ban hành Kế hoạch Cải cách hành chính năm 2019                                                                                                            |
| 7  | Điều 5, 6 và 7, Chương II Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội                                                                                                                                                                          |
| 8  | Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương                                                                                                                                                      |
| 9  | Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ quy định về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh                                                                                                                                                  |
| 10 | Luật Cán bộ, công chức số 22/2008/QH12 ngày 13/11/2008 (Chương I đến Chương IV)                                                                                                                                                                                                                          |
| 11 | Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15/3/2010 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức                                                                                                                                                                                                      |
| 12 | Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập                |
| 13 | Nghị định số 06/2010/NĐ-CP ngày 25/01/2010 của Chính phủ quy định những người là công chức                                                                                                                                                                                                               |
| 14 | Điều 2, Điều 4, Điều 25, Điều 26, Điều 27, Điều 29, Điều 128, Điều 129 Luật Tổ chức chính quyền địa phương                                                                                                                                                                                               |
| 15 | Điều 2, Điều 3, Điều 7 Nghị định số 08/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định số lượng Phó Chủ tịch UBND và quy trình, thủ tục bầu, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm                                                                                                                            |



|            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 16         | Điều 2, Điều 3 Nguyên tắc và một số trường hợp đặc biệt khi thực hiện sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trong giai đoạn 2019 - 2021 tại Nghị quyết số 653/2019/UBTVQH14 ngày 12/3/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trong giai đoạn 2019 - 2021 |
| 17         | Điều 2, Điều 3, Điều 9 Tiêu chuẩn của đơn vị hành chính huyện, xã, thị trấn; Điều 23, 24: Khung điểm và thẩm quyền phân loại đơn vị hành chính tại Nghị quyết 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính                       |
| 18         | Điều 2 Khái niệm về thôn, tổ dân phố tại Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố                                                                                                                                                                |
| 19         | Khoản 3 Điều 1 Nội dung hoạt động của thôn, tổ dân phố tại Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03/12/2018 của Bộ Nội vụ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ Nội vụ                                                                                                   |
| 20         | Nghị định số 91/2017/NĐ - CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng                                                                                                                                                                                                  |
| 21         | Điều 3, Điều 5, Điều 60, Điều 61 Luật tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 22         | Thông tư số 01/2011/TT-BNV ngày 19/01/2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính                                                                                                                                                                                                   |
| <b>XIV</b> | <b>VĂN PHÒNG HĐND<br/>(MÃ SỐ MÔN THI: VPHĐ. MÃ VỊ TRÍ VIỆC LÀM: 2.2.2)</b>                                                                                                                                                                                                                                             |
| 1          | Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| 2          | Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 về quản lý, sử dụng đất trồng lúa                                                                                                                                                       |
| 3          | Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về thống kê,                                                                                                                                                                                                                    |

|    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    | kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| 4  | Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14/11/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước                                                                                                                                              |
| 5  | Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai |
| 6  | Nghị định số 35/2017/NĐ-CP ngày 03/4/2017 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước trong Khu kinh tế, khu công nghệ cao                                                                                                                                                          |
| 7  | Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai                                                                                                                                                                                       |
| 8  | Thông tư số 33/2016/TT-BTNMT ngày 07/11/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật điều tra, đánh giá đất đai                                                                                                                                                                             |
| 9  | Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09/9/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước                                                                                                                                               |
| 10 | Thông tư số 60/2015/TT-BTNMT ngày 15/12/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về kỹ thuật điều tra, đánh giá đất đai                                                                                                                                                                                             |
| 11 | Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa                                                                                                                                                                                                                                |
| 12 | Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ                                                                                                           |
| 13 | Nghị định số 104/2014/NĐ-CP ngày 14/11/2014 của Chính phủ quy định về khung giá đất                                                                                                                                                                                                                                      |



|    |                                                                                                                                                                       |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 14 | Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai                                                        |
| 15 | Thông tư số 47/2014/TT-BTNMT ngày 22/8/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật thành lập bản đồ hành chính các cấp                                     |
| 16 | Thông tư số 35/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc điều tra, đánh giá đất đai                                                  |
| 17 | Thông tư số 34/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về xây dựng, quản lý, khai thác hệ thống thông tin đất đai                       |
| 18 | Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất |
| 19 | Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về bản đồ địa chính                                                                       |
| 20 | Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về hồ sơ địa chính                                                               |
| 21 | Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất                        |
| 22 | Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất                                                                                           |
| 23 | Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đất đai                                                                               |
| 24 | Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất                                                                                       |
| 25 | Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước                                                                  |
| 26 | Văn bản hợp nhất số 21/VBHN-VPQH ngày 10/12/2018 hợp nhất Luật Đất đai                                                                                                |

|           |                                                                                                                                                                                                                                                              |
|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 27        | Thông tư số 42/2014/TT-BTNMT ngày 29/7/2014 của Chính phủ ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất                                                                                                |
| 28        | Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13                                                                                                                                                                                                                      |
| 29        | Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13                                                                                                                                                                                                                           |
| 30        | Luật quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14                                                                                                                                                                                                           |
| 31        | Luật giá số 11/2012/QH13                                                                                                                                                                                                                                     |
| 32        | Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật quản lý tài sản công                                                                                                                                        |
| 33        | Nghị định số 117/2017/NĐ-CP ngày 19/10/2017 của Chính phủ quy định về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước đối với hoạt động đối ngoại                                                                                                                        |
| 34        | Thông tư số 328/2016/TT-BTC ngày 26/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thu và quản lý các khoản thu ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước                                                                                                                  |
| 35        | Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ hướng dẫn Luật Ngân sách Nhà nước                                                                                                                                                                  |
| 36        | Nghị định số 24/2016/NĐ-CP ngày 05/4/2016 của Chính phủ quy định chế độ quản lý ngân quỹ nhà nước                                                                                                                                                            |
| <b>XV</b> | <b>VĂN PHÒNG UBND</b><br><b>(MÃ SỐ MÔN THI: VPUB. MÃ VỊ TRÍ VIỆC LÀM: 23.3.4; 23.3.3; 23.3.1; 23.3.9; 23.3.7)</b>                                                                                                                                            |
| 1         | Hiến pháp năm 2013 (Chương VII: Chính phủ. Chương IX: Chính quyền địa phương)                                                                                                                                                                                |
| 2         | Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015:<br>Chương I - Những quy định chung (Tổ chức chính quyền địa phương ở các đơn vị hành chính; HĐND; UBND; Cơ quan chuyên môn thuộc UBND; Nhiệm kỳ của HĐND, UBND; phân định thẩm quyền của chính quyền địa |



|   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|---|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|   | <p>phương);</p> <p>Chương II - Chính quyền địa phương ở nông thôn (Mục 2. Nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của chính quyền địa phương ở huyện);</p> <p>Chương III - Chính quyền địa phương ở đô thị (Mục 3. Nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của chính quyền địa phương ở thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương);</p> <p>Chương VI - Hoạt động của chính quyền địa phương (Mục 1. Hoạt động của HĐND - Hợp HĐND; Bầu các chức danh của HĐND, UBND; Hoạt động giám sát của HĐND; Quyền và trách nhiệm của đại biểu Hội đồng nhân dân; Nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực HĐND. Mục 2. Hoạt động của UBND).</p> |
| 3 | Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Chương I: Vị trí, chức năng của sở; cơ cấu tổ chức của sở; chế độ làm việc của sở và trách nhiệm của giám đốc sở; Chương II: Tổ chức các sở thuộc UBND cấp tỉnh)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| 4 | Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| 5 | <p>Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;</p> <p>Định nghĩa văn bản quy phạm pháp luật;</p> <p>Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật;</p> <p>Thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật;</p> <p>Trình tự, thủ tục xây dựng ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND cấp huyện;</p> <p>Thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật.</p>                                                                                                                         |
| 6 | <p>Thông tư số 01/2011/TT-BNV ngày 19/01/2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính;</p> <p>Định lề trang văn bản;</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |

|    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    | <p>Thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản (Chương II);</p> <p>Thể thức và kỹ thuật trình bày bản sao (Chương III);</p> <p>Thực hành soạn thảo 01 văn bản hành chính của Chủ tịch UBND cấp huyện.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 7  | <p>Nghị định số 110/2004/NĐ-CP ngày 08/4/2004 của Chính phủ về công tác văn thư; Nghị định số 09/2010/NĐ-CP ngày 08/02/2010 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 110/2004/NĐ-CP ngày 08/4/2004 của Chính phủ về công tác văn thư; Nghị định số 99/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng con dấu:</p> <p>Giải thích từ ngữ;</p> <p>Hình thức văn bản. Hình thức và thể thức của văn bản hành chính;</p> <p>Quản lý văn bản đến, văn bản đi của cơ quan, tổ chức (Mục 1, 2, Chương III Nghị định 110/2004/NĐ-CP);</p> <p>Ký văn bản; Bản sao văn bản; Chuyển phát và đính chính văn bản, lưu văn bản;</p> <p>Quản lý và sử dụng con dấu trong cơ quan, tổ chức (Mục IV, Chương III Nghị định 110/2004/NĐ-CP và Nghị định số 99/2016/NĐ-CP).</p> |
| 8  | <p>Luật Lưu trữ ngày 11/11/2011:</p> <p>Giải thích từ ngữ (Chương I);</p> <p>Chương II: Thu thập tài liệu lưu trữ (Mục 1: Lập hồ sơ và quản lý hồ sơ tài liệu tại lưu trữ cơ quan: Trách nhiệm của Lưu trữ cơ quan; Thời hạn nộp lưu hồ sơ, tài liệu vào lưu trữ cơ quan; Trách nhiệm giao, nhận hồ sơ, tài liệu vào Lưu trữ cơ quan; Quản lý tài liệu lưu trữ điện tử. Mục 2: Chính lý, xác định giá trị tài liệu (Thời hạn bảo quản tài liệu)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| 9  | <p>Nghị định số 01/2013/NĐ-CP ngày 03/01/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật lưu trữ (Chương II: Quản lý tài liệu lưu trữ điện tử)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| 10 | <p>Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 về kiểm soát thủ tục hành chính:</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |



|            |                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|            | <p>Giải thích từ ngữ (Chương I);</p> <p>Chương II: Thực hiện thủ tục hành chính (Nguyên tắc thực hiện thủ tục hành chính; Trách nhiệm của cơ quan thực hiện thủ tục hành chính; Trách nhiệm của cán bộ, công chức được phân công thực hiện thủ tục hành chính).</p> |
| 11         | <p>Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính:</p> <p>Giải thích từ ngữ (Chương I);</p> <p>Chương II: Tổ chức, mối quan hệ công tác và trụ sở bộ phận một cửa).</p>         |
| <b>XVI</b> | <p style="text-align: center;"><b>VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH</b><br/><b>(MÃ SỐ MÔN THI: VH. MÃ VỊ TRÍ VIỆC LÀM: 23.2.39; 23.2.36)</b></p>                                                                                                                         |
| 1          | Luật Phòng chống bạo lực gia đình số 02/2007/QH12                                                                                                                                                                                                                   |
| 2          | Luật Di sản Văn hóa số 32/2009/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản Văn hóa số 28/2001/QH10                                                                                                                                                            |
| 3          | Luật Quảng cáo số 16/2012/QH13                                                                                                                                                                                                                                      |
| 4          | Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006; Luật số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.                                                                                                   |
| 5          | Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa XI) về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước                                                                                |
| 6          | Nghị định số 109/2017/NĐ-CP ngày 21/9/2017 của Chính phủ quy định về bảo vệ và quản lý Di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới ở Việt Nam                                                                                                                            |
| 7          | Nghị định số 110/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 của Chính phủ quy định về quản lý và tổ chức lễ hội                                                                                                                                                                      |

|             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 8           | Nghị định số 122/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu "Gia đình văn hóa"; "Thôn văn hóa", "Làng văn hóa", "Ấp văn hóa", "Bản văn hóa", "Tổ dân phố văn hóa"                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| 9           | Thông tư số 04/2011/TT-BVHTTDL ngày 21/01/2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 10          | Thực trạng công tác quản lý nhà nước lĩnh vực văn hóa cơ sở trên địa bàn tỉnh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| <b>XVII</b> | <b>THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG</b><br><b>(MÃ SỐ MÔN THI: TTTT. MÃ VỊ TRÍ VIỆC LÀM: 13.2.4)</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 1           | <p>Luật Công nghệ thông tin số 67/2006/QH11 ngày 29/6/2006, gồm:</p> <p>Chương I. Những quy định chung;</p> <p>Chương II. Ứng dụng Công nghệ thông tin (Mục 1. Quy định chung về ứng dụng Công nghệ thông tin: Từ Điều 13 đến Điều 23; Mục 2. Ứng dụng Công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước: Từ Điều 24 đến Điều 28; Mục 3. Ứng dụng Công nghệ thông tin trong thương mại: Từ Điều 29 đến Điều 33; Mục 4. Ứng dụng Công nghệ thông tin trong Một số lĩnh vực: Từ Điều 34 đến Điều 37);</p> <p>Chương III. Phát triển Công nghệ thông tin (Mục 1. Nghiên cứu - phát triển Công nghệ thông tin: Từ Điều 38 đến Điều 41; Mục 3. Phát triển Công nghiệp Công nghệ thông tin: Từ Điều 47 đến Điều 51; Mục 4. Phát triển dịch vụ Công nghệ thông tin: Điều 52, Điều 53);</p> <p>Chương IV. Biện pháp bảo đảm ứng dụng và phát triển Công nghệ thông tin (Mục 1. Cơ sở hạ tầng thông tin phục vụ ứng dụng và phát triển Công nghệ thông tin: Từ Điều 54 đến Điều 60; Mục 2. Đầu tư cho Công nghệ thông tin: Từ Điều 61 đến Điều 64)</p> |
| 2           | <p>Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014, gồm:</p> <p>Chương I. Những quy định chung (Từ Điều 1 đến Điều 16);</p> <p>Chương II. Chủ trương đầu tư và quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư công (Mục 1. Lập, thẩm định,</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |



|   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|   | <p>quyết định chủ trương đầu tư: Từ Điều 17 đến Điều 38; Mục 2. Lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư công: Từ Điều 39 đến Điều 48);</p> <p>Chương III. Lập, thẩm định, phê duyệt và giao kế hoạch đầu tư công (Mục 1. Quy định chung: Từ Điều 49 đến Điều 59; Mục 2. Lập, thẩm định, phê duyệt và giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ, vốn trái phiếu chính quyền địa phương, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước và các khoản vốn vay của ngân sách địa phương để đầu tư: Từ Điều 60 đến Điều 68);</p> <p>Chương V. Nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động đầu tư công (Điều 91, Điều 92, Điều 93, Điều 96, Điều 97, Điều 98, Điều 100)</p> |
| 3 | <p>Nghị định số 102/2009/NĐ-CP ngày 06/11/2009 của Chính phủ về quản lý đầu tư ứng dụng Công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước, gồm:</p> <p>Chương I. Những quy định chung (Từ Điều 1 đến Điều 10);</p> <p>Chương II. Chuẩn bị đầu tư (Từ Điều 11 đến Điều 32);</p> <p>Chương III. Thực hiện đầu tư (Từ Điều 33 đến Điều 44);</p> <p>Chương IV. Kết thúc đầu tư đưa sản phẩm của dự án vào khai thác sử dụng (Từ Điều 45 đến Điều 54);</p> <p>Chương V. Quản lý, vận hành dự án ứng dụng công nghệ thông tin (Từ Điều 55 đến Điều 59);</p> <p>Chương VII. Đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ về quản lý, đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin (Điều 73, Điều 74)</p>                                                                                                                                         |
| 4 | <p>Nghị định số 64/2007/NĐ-CP, ngày 10/4/2007 về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, gồm:</p> <p>Chương I. Quy định chung (Từ Điều 1 đến Điều 9);</p> <p>Chương II. Nội dung và điều kiện đảm bảo ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |

|              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|--------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|              | <p>(Mục 1. Xây dựng cơ sở hạ tầng thông tin: Từ Điều 10 đến Điều 17); Mục 4. Đầu tư cho ứng dụng công nghệ thông tin (Từ Điều 25 đến Điều 32);</p> <p>Chương IV. Tổ chức thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước (Điều 44, Điều 45, Điều 46, Điều 47, Điều 53, Điều 54)</p>                                                                                                                                                                                                                                                       |
| 5            | <p>Luật Quy hoạch số 21/2017/QH13 ngày 24/11/2017, gồm:</p> <p>Chương I. Những quy định chung (Từ Điều 1 đến Điều 13);</p> <p>Chương II. Lập quy hoạch (Mục 1. Tổ chức lập quy hoạch: Từ Điều 14 đến Điều 19; Mục 2. Nội dung quy hoạch: Từ Điều 20 đến Điều 28);</p> <p>Chương IV. Thực hiện, đánh giá, điều chỉnh quy hoạch (Mục 1. Thực hiện quy hoạch: Từ Điều 45 đến Điều 48; Mục 2. Đánh giá thực hiện quy hoạch: Điều 49, Điều 50; Mục 3. Điều chỉnh quy hoạch: Từ Điều 51 đến Điều 54);</p> <p>Chương V. Quản lý nhà nước về quy hoạch (Điều 55, Điều 56)</p> |
| <b>XVIII</b> | <p style="text-align: center;"><b>KHU KINH TẾ NGHI SƠN</b><br/> <b>(MÃ SỐ MÔN THI: KTNS. MÃ VỊ TRÍ VIỆC LÀM: 22.3.1; 22.3.2; 22.2.2; 22.2.1; 22.2.3)</b></p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| 1            | Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ quy định về Quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| 2            | Quyết định số 965/QĐ-TTg ngày 17/7/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 3            | Quyết định số 28/2010/QĐ- TTg ngày 03/3/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế hoạt động của Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 4            | Quyết định số 18/2015/QĐ-TTg ngày 12/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế hoạt động của Khu kinh tế Nghi Sơn tỉnh Thanh Hóa ban hành kèm theo Quyết định số 28/2010/QĐ- TTg ngày 03/3/2010 của Thủ tướng Chính phủ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| 5            | Căn cứ Quyết định số 1699/QĐ-TTg ngày 07/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh, mở rộng Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |



|    |                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 6  | Căn cứ Quyết định số 279/QĐ-UBND ngày 16/01/2019 của UBND tỉnh về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp tỉnh Thanh Hóa                                                                        |
| 7  | Quyết định số 09/QĐ-BQLKKTNS&KCN ngày 15/01/2016 của Trưởng Ban quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp về việc ban hành Quy chế làm việc của Ban quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp                                                    |
| 8  | Quyết định số 47/QĐ-BQLKKTNS&KCN ngày 14/02/2019 của Trưởng ban quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ các phòng chuyên môn thuộc Ban quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp, tỉnh Thanh Hóa |
| 9  | Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15/3/2010 của Chính phủ quy định tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức                                                                                                                                                            |
| 10 | Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đầu thầu về lựa chọn nhà thầu                                                                                                                                |
| 11 | Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng                                                                                                                                                      |
| 12 | Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng                                                                                                                                                                             |
| 13 | Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư                                                                                                                                        |
| 14 | Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường                                                                         |
| 15 | Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường                                                                                                  |
| 16 | Thông tư 05/2017/TT-BXD ngày 05/4/2017 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị                                                                                                                                 |

|    |                                                                                                                                                                                              |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 17 | Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch khu chức năng đặc thù               |
| 18 | Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn cấp phép xây dựng                                                                                                        |
| 19 | Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường |
| 20 | Thông tư số 35/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao                     |